Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 27.09.2019 15:33:27 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 339 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 27 tháng 9 năm 2019*

BÁO CÁO

Về tình hình, kết quả công tác kiểm soát TTHC thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh quý III năm 2019

(Số liệu từ ngày 15/6/2019 đến ngày 15/9/2019)

Thực hiện Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. UBND tỉnh Tây Ninh báo cáo tình hình, kết quả công tác kiểm soát TTHC thực hiện trên địa bàn tỉnh quý II năm 2019 như sau:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính

Trong quý III năm 2019, Tây Ninh tiếp tục ban hành các văn bản để triển khai công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, tổ chức triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Cục Kiểm soát TTHC – Văn phòng Chính phủ. Trong đó, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản sau: Kế hoạch số 1989/KH-UBND ngày 13/9/2019 của UBND tỉnh triển khai Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND tỉnh về quy chế hoạt động Cổng Dịch vụ công trực tuyến, Hệ thống thông tin một cửa điện tử và Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh; Công văn chỉ đạo thực hiện ký số tất cả các văn bản điện tử, gửi liên thông trên hệ thống văn phòng điện tử trong các cơ quan nhà nước trong tỉnh; Công văn chỉ đạo khẩn trương khắc phục những tồn tại, hạn chế qua kiểm tra công vụ…

Hiện nay, tỉnh đã hoàn thành việc kiểm tra công tác CCHC và kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh, cụ thể tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1486/KH-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh về việc kiểm tra công tác CCHC và kiểm soát TTHC và Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập hai (02) Đoàn Kiểm tra công tác CCHC và kiểm soát TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh. Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra tại 8/19 sở, ban, ngành tỉnh; 9/9 UBND cấp huyện và 18/95 UBND cấp xã (mỗi UBND cấp huyện chọn 2 UBND cấp xã). Đồng thời, trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra của 02 đoàn kiểm tra về công tác CCHC và kiểm soát TTHC tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện khẩn trương khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra công tác cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính.

Song song với các hoạt động trên, tỉnh đã cho thí điểm xác định Chỉ số CCHC năm 2019 đối với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện bằng phần mềm xác định Chỉ số CCHC tại địa chỉ https://cchc.tayninh.gov.vn (Công văn số 2071/UBND-HCC ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh). Theo đó, các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện được cung cấp tài khoản thực hiện việc tự chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2019 của mình trên Phần mềm xác định Chỉ số CCHC. Các Sở ngành chuyên môn tham gia thẩm định được cung cấp tài khoản thực hiện việc thẩm định Chỉ số CCHC năm 2019 theo sự phân công tại Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 và Công văn số 1740/UBND-HCC ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh. Đồng thời, đã giao Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp địa chỉ, tạo lập các tài khoản và các mật khẩu truy cập. Tổ chức tập huấn hướng dẫn tự chấm điểm trên phần mềm cho các sở, ban ngành và UBND cấp huyện.

2. Tình hình, kết quả tham gia ý kiến, thẩm định, đánh giá tác động quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính *(Phụ lục I, II, III)*

Trong quý III năm 2019, Tây Ninh không ban hành VBQPPL có quy định về TTHC nên việc tham gia ý kiến, thẩm định, đánh giá tác động đối với dự thảo VBQPPL có quy định về TTHC không thực hiện. Tất cả các quy định TTHC hiện nay đang áp dụng trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định của các cơ quan Trung ương ban hành.

3. Tình hình, kết quả công bố, công khai và nhập dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính *(Phụ lục IV)*

Trong quý III năm 2019, tỉnh đã ban hành 12 quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính với tổng số là **1240** TTHC (trong đó cấp tỉnh là: **1200** thủ tục, cấp huyện là **35** thủ tục và cấp xã là **05** thủ tục). Các TTHC sau khi công bố đều được nhập dữ liệu và công khai đầy đủ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Cổng thông tin điện tử của tỉnh; niêm yết công khai tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức. Tính đến nay, toàn tỉnh có **1.872** TTHC, trong đó: cấp tỉnh là **1.463** TTHC, cấp huyện là **266** TTHC, cấp xã là **143** TTHC.

4. Tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương. *(Kèm theo Phụ lục V và VI)*

5. Tình hình, kết quả rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính *(Phụ lục VII)*

Về công tác rà soát, đánh giá TTHC luôn được tỉnh quan tâm, UBND tỉnh đã ban hành quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2019 với **25** nhóm và trên **50** TTHC thuộc 17 ngành. Thời gian rà soát, đánh giá TTHC từ tháng 01/2019 đến tháng 10/2019 hoàn thành việc rà soát, đánh giá TTHC. Tính đến nay đã có Sở Xây dựng và UBND huyện Bến Cầu thực hiện hoàn thành Kế hoạch rà soát quy định, TTHC của UBND tỉnh

phê duyệt tại Quyết định số 3231/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 và tất cả các cơ quan còn lại đang thực hiện sắp hoàn thành theo đúng thời gian đề ra.

Bên cạnh đó, tỉnh tiếp tục giao Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh theo dõi đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

6. Tình hình, kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính *(Kèm theo phụ lục VIII)*

7. Tình hình, kết quả công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính

Hiện nay, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện cung cấp liên tục tình hình, kết quả công tác CCHC đơn vị mình, của tỉnh để người dân, tổ chức theo dõi, kiến nghị về công tác CCHC của tỉnh. Tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, địa phương tạo các video clip, tờ rơi, bìa kẹp…tuyên truyền, hướng dẫn CBCC và tổ chức, cá nhân các nội dung liên quan đến việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC. Tính đến nay tỉnh đã cấp phát cho các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã với tổng số 27.000 tờ rơi liên quan đến cách thức nộp hồ sơ, tra cứu hồ sơ, PAKN…qua Cổng Phục vụ Hành chính công tỉnh trên ứng dụng Zalo.

Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên ứng dụng Zalo và kênh "Hỏi đáp trực tuyến" tại địa chỉ trang Web:**www.tayninh.gov.vn** đã trở nên quen thuộc cho mọi đối tượng, cá nhân, tổ chức khi gặp các vấn đề khó khăn, vướng mắc về chính sách, quy định hành chính, TTHC…trong tất cả các lĩnh vực. Nhiều vấn đề, các quy định, chính sách, TTHC cũng được các cá nhân, tổ chức hỏi và được các cơ quan có thẩm quyền trả lời trực tiếp công khai, đầy đủ chất lượng tại đây. Đây cũng là các kênh thông tin quan trọng góp phần vào công tác cải cách TTHC của tỉnh.

8. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Về thực hiện cơ chế một cửa tính đến nay đã có **123** cơ quan hành chính nhà nước đã thực hiện cơ chế một cửa, trong đó: **19/19** sở, ban, ngành tỉnh; **09/09** huyện, thành phố và **95/95** xã, phường, thị trấn đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC thông qua Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của từng cơ quan. Việc giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp phần lớn được các cơ quan thực hiện đúng thời gian quy định.

Về cơ sở vật chất và bố trí trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Tỉnh đã bố trí đầy đủ các trang thiết bị và đáp ứng theo quy định. Đồng thời, hiện nay đã kiện toàn lại Bộ phận Một cửa các cấp và bố trì công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa theo đúng quy định.

Hệ thống một cửa điện tử tập trung tỉnh đã cập nhật đầy đủ thủ tục hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã (**1.872** TTHC) và cập nhật trình tự thực hiện giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh tại địa chỉ **http://motcua.tayninh.gov.vn.** Đây là hệ thống phục vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham gia vào quá trình giải quyết TTHC. Đồng thời, đối với việc tích hợp, chia sẽ dữ liệu TTHC và một cửa điện tử tập trung tại địa phương. Bộ phận quản trị một cửa điện tử cập nhật các quy trình trên một cửa thì hệ thống tự động tích hợp lên cổng dịch vụ công tỉnh nhằm công khai toàn bộ quy trình giải quyết, các hình thức tiếp nhận, trả kết quả TTHC của địa phương. Các thống kê, báo cáo việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh được cập nhật liên tục lên Hệ thống dịch vụ công tỉnh.

Đối với cổng dịch vụ công tỉnh Tây Ninh theo địa chỉ **https://dichvucong.tayninh.gov.vn.** Các tổ chức, cá nhân có thể tìm kiếm thông tin về thủ tục hành chính cần thực hiện, tra cứu tình trạng giải quyết thủ thục hành chính từng đơn vị trên địa bàn tỉnh, tra cứu trạng thái giải quyết thủ tục hành chính và nộp hồ sơ dịch vụ công mức độ 3,4. Hiện nay, Cổng thông tin điện tử của tỉnh cung cấp 100% TTHC đạt dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 (**1.872** thủ tục); đạt dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là **1.010** TTHC và **35** TTHC triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được triển khai, ứng dụng trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh đã triển khai, thực hiện quy trình liên thông trong giải quyết TTHC giữa ngành Thuế và ngành Tài nguyên và Môi trường trong khâu tính thuế, xác định nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, đến nay người sử dụng đất không phải đi lại nhiều lần giữa hai cơ quan này để thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai. Đồng thời, Trung tâm Hành chính công tỉnh hiện nay tiếp tục hoạt động ổn định, hiệu quả với tổng số TTHC được thực hiện tại Trung tâm là **1.463** TTHC, bao gồm **17** Sở và Phòng PC06 - Công an tỉnh, trong đó TTHC được tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm là **1.315** TTHC và có **148** TTHC được tiếp nhận trực tiếp tại các quầy của Trung tâm Hành chính công tỉnh đặt tại các sở, ban, ngành tỉnh. Các TTHC đưa vào Trung tâm đều được xây dựng quy trình điện tử trên Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh, 100% hồ sơ, TTHC được giám sát chặt chẽ từ khâu tiếp nhận, xử lý đến hoàn trả kết quả, đồng thời phối hợp Bưu điện tỉnh qua dịch vụ bưu chính công ích trong việc thu hộ phí, lệ phí, nộp thuế.., nhằm kịp thời trả kết quả đến tay cá nhân, tổ chức, Doanh nghiệp một cách nhanh chóng trong thời gian sớm nhất.

Bên cạnh đó, hiện nay Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên ứng dụng Zalo có 3 chức năng chính: Nộp hồ sơ TTHC, tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ TTHC và phản ánh kiến nghị. Hiện nay tỉnh đang triển khai nộp hồ sơ TTHC qua cổng hành chính công trên mạng xã hội Zalo đối với **15** TTHC, cụ thể: Tại Trung tâm Hành chính công là: **12** TTHC, cấp huyện **01** TTHC, cấp xã **02** TTHC) bao gồm: Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam trong tỉnh; Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam ngoài tỉnh; Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế…của các lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo, Công thương, Kế hoạch và Đầu tư,

Tư pháp. Với cách thực hiện này, người dân chỉ cần sử dụng điện thoại thông minh có kết nối mạng, truy cập vào Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo. Chọn chức năng quan tâm, tìm đến loại TTHC mà mình cần thực hiện. Dùng chức năng chụp ảnh chụp lại các thành phần hồ sơ bản chính của mình gửi đến cơ quan giải quyết TTHC. Khi có kết quả, hệ thống sẽ tự động nhắn tin trên mạng xã hội Zalo để cá nhân/tổ chức đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nhận theo địa chỉ đã khai báo trước đó. Người dân không phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước để nộp hồ sơ như trước đây nữa.

Ngoài ra, tính đến nay tỉnh đã trang bị hệ thống Camera giám sát Trung tâm Hành chính công tỉnh, **04/09** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và **45/95** xã/phường/thị trấn. Theo đó, các bộ phận tiếp nhận và trả kết quả sẽ được giám sát tập trung tại Văn phòng UBND tỉnh nhằm giám sát toàn bộ hoạt động tại Bộ phận Một cửa các cấp, đồng thời tham mưu cho tỉnh nâng cao hiệu quả công tác CCHC. Dự kiến trong năm 2019 sẽ triển khai 100% camera giám sát các bộ phận tiếp nhận và trả kết quả còn lại trên địa bàn tỉnh.

9. Về tổ chức đánh giá giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Chương V của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Chương III của Thông tư số 01/2018/TT-VPCP

a) Về tổ chức thu thập ý kiến đánh giá

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh việc thu thập ý kiến đánh giá được thực hiện thường xuyên, liên tục tại cấp tỉnh thực hiện ở các Quầy của Trung tâm Hành chính công, kết hợp với các tiêu chí đánh giá nội bộ theo Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 4/4/2019 mà UBND tỉnh đã ban hành bao gồm 09 tiêu chí như quá trình luân chuyển hồ sơ, chất lượng giải quyết TTHC, tỷ lệ hồ sơ đúng hạn trên tổng số hồ sơ theo quy định...Trung tâm tự đánh giá ở cấp tỉnh và thực hiện đánh giá ở cấp huyện, còn cấp huyện đánh giá cấp xã.

Tại cấp huyện và cấp xã việc thu thập ý kiến đánh giá được thực hiện bằng phiếu khảo sát tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã. Qua kiểm tra công tác CCHC và kiểm soát TTHC cho thấy cơ quan hành chính các cấp đã nghiêm túc triển khai việc thu thập, đánh giá giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Chương V của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Chương III của Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 4/4/2019. Các thông tin phục vụ đánh giá được kết nối với Hệ thống thông tin một cửa điện tử, được công khai trên Cổng, trang thông tin điện tử của tỉnh của từng cơ quan và Công Dịch vụ công trực tuyến tỉnh.

b) Về kết quả đánh giá nội bộ việc giải quyết TTHC

Theo quy định tại Chương V của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Chương III của Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 4/4/2019. Việc đánh giá nội bộ về việc giải quyết TTHC tại cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh được đánh giá thông qua 09 tiêu chí và kết quả đạt được trong quý III năm 2019, như sau:

- Đối với Chỉ số 1: Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với thời gian cho phép theo quy định của pháp luật (Đạt điểm 2).

- Đối với Chỉ số 2: Thời gian thực hiện của từng cơ quan, đơn vị tham gia giải quyết (kể cả đơn vị phối hợp) so với quy định (Đạt điểm 1).

- Đối với Chỉ số 3: Số lần phải liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả liên hệ theo hình thức trực tuyến) (Đạt điểm 2).

- Đối với Chỉ số 4: Số lượng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải liên hệ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả liên hệ theo hình thức trực tuyến) (Đạt điểm 1).

- Đối với Chỉ số 5: Thực hiện tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa (Đạt điểm 1).

- Đối với Chỉ số 6: Công khai các thủ tục hành chính (Đạt điểm 2).

- Đối với Chỉ số 7: Thái độ của cán bộ, công chức, viên chức khi hướng dẫn lập hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính (Đạt điểm 2).

- Đối với Chỉ số 8: Tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân (Đạt điểm 2).

- Đối với Chỉ số 9: Tiến độ và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền (Đạt điểm 1).

c) Về kết quả đánh giá và xử lý kết quả đánh giá việc giải quyết TTHC

- Đối với CBCCVC trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC trong quý III năm 2019 về cơ bản hoàn thành 100% nhiệm vụ theo các tiêu chí đánh giá quy định tại Chương V của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Chương III của Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 4/4/2019. Ngoài ra, hiện nay tỉnh còn chấm điểm, xếp hạng đối với Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trong việc đánh giá giải quyết TTHC, đồng thời có lồng ghép vào việc chấm điểm chỉ số CCHC hàng năm đối với UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức khi tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC quý III năm 2019 về cơ bản tất cả các cơ quan đạt từ 12 đến dưới 15 điểm được xếp loại tốt theo quy định tại Chương V của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Chương III của Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 4/4/2019.

- Về kết quả đánh giá của tổ chức, cá nhân về giải quyết TTHC, qua thống kê tính đến nay tại Trung tâm Hành chính công tỉnh đã khảo sát sự hài lòng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên hệ thống máy tính bảng được tổng số **14.245** phiếu với 03 mức "rất hài lòng": **10.564** phiếu; "hài lòng" **3568** phiếu, "bình thường" **113** phiếu. Cổng Hành chính công của tỉnh và đã tham mưu trả lời trực tuyến cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp **264** lượt và **70** văn bản. Đối với cấp huyện và cấp xã qua khảo sát bằng phiếu về sự hài lòng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp cho

thấy trong quý III năm 2019 tất cả các cá nhân, tổ chức được khảo sát đều hài lòng với sự phục vụ của đội ngũ CBCCVC các cấp.

- Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với việc giải quyết TTHC của cơ quan có thẩm quyền được công khai tại cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC. Đồng thời, kết quả đánh giá này được xem là một trong những tiêu chuẩn để xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC; xác định trách nhiệm của cá nhân, người đứng đầu cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC; ưu tiên xem xét việc đề bạt, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và xem xét khen thưởng, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

10. Đánh giá chung về tình hình kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC quý III năm 2019

a. Đánh giá chung

Nhìn chung, trong quý III năm 2019, tỉnh đã chủ động ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn về công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định, thời gian, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Tính đến nay về cơ bản các cơ quan, đơn vị đã triển khai đầy đủ và hoàn thành các nhiệm vụ theo các kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt và hướng dẫn của Cục kiểm soát TTHC – Văn phòng Chính phủ.

Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh với vai trò nhiệm vụ của mình, các cơ quan, đơn vị đã chủ động tham mưu đề xuất các giải pháp trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo yêu cầu và đạt mục tiêu đề ra.

b. Những khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị

- Hiện nay phần mềm Hệ thống quản lý và đánh giá về kiểm soát TTHC không truy cập được nữa đã gây khó khăn cho địa phương trong qua trình khai thác, sử dụng và thực hiện báo cáo định kỳ về công tác kiểm soát TTHC. Do đó, đề nghị Văn phòng Chính phủ sớm nâng cấp lại phần mềm Hệ thống quản lý và đánh giá về kiểm soát TTHC, thiết kế lại các biểu mẫu báo cáo theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ để giúp địa phương thực hiện công tác báo cáo định kỳ về kiểm soát TTHC được nhanh chóng, ngắn gọn, thuận tiện, không mất nhiều thời gian như hiện nay. Đồng thời, cần bổ sung thêm đơn vị báo cáo công tác kiểm soát TTHC của địa phương là Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh trên phần mềm quản lý, đánh giá về TTHC.

- Chưa tích hợp và đồng bộ dữ liệu của phần mềm một cửa điện tử của tỉnh với các phần mềm riêng của Bộ ngành Trung ương như: Giao thông Vận tải, Tư pháp và Kế hoạch và Đầu tư…Trung ương mới quy định về quy trình điện tử nên một số TTHC chưa xây dựng được quy trình điện tử trên phần mềm một cửa của

tỉnh, vẫn còn hồ sơ trễ hạn do yếu tố khách quan như thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp phải chờ Công an xác minh…

c. Phương hướng, nhiệm vụ quý IV năm 2019

- Tiếp tục rà soát, thực hiện đúng tiến độ và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Quyết định số 3123/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 ban hành Kế hoạch CCHC và kiểm soát TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức Đoàn đi học tập kinh nghiệm các địa phương thực hiện tốt công tác cải cách hành chính và có điểm Chỉ số CCHC cao trong nhiều năm qua hoặc có những điều kiện tương đồng với Tây Ninh mà có kết quả chỉ số CCHC xếp thứ hạng cao để áp dụng thực tiễn trên địa bàn tỉnh.

- Công bố danh mục tên TTHC thực hiện liên thông cùng cấp, tên TTHC thực hiện liên thông khác cấp tại 3 cấp chính quyền (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tiếp tục tăng cường kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, địa phương đẩy mạnh cải cách TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC tạo điều kiện thuận lợi nhất để phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn.

- Hoàn thành việc trang bị hệ thống Camera giám sát 100% Bộ phận Một cửa trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Trung tâm Hành chính công tỉnh, 09/09 Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và 95/95 xã/phường/thị trấn.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường công tác thanh, kiểm tra công vụ, nhất là thanh, kiểm tra việc chấp hành thời gian làm việc tại Bộ phận Một cửa, việc chậm trễ trong giải quyết TTHC, về tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, kịp thời xác minh, làm rõ những vụ việc người dân bức xúc phản ánh để có biện pháp xử lý thỏa đáng và phản hồi kết quả cho người dân.

- Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện thí điểm xác định chỉ số CCHC năm 2019 của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện bằng phần mềm xác định chỉ số CCHC.

- Công bố danh mục tên TTHC thực hiện liên thông cùng cấp, giữa các cấp chính quyền; danh mục tên TTHC thực hiện dịch vụ công mức độ 3, 4 và danh mục tên TTHC thực hiện thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Xác định chỉ số và công bố chỉ số CCHC năm 2019 đối với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.

- Hoàn thành việc rà soát, thẩm định và thông qua phương án đơn giản hóa TTHC theo ngành, lĩnh vực theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt thực hiện trên địa bàn tỉnh năm 2019.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là tăng cường xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử và ứng dụng phần mềm trong xử lý công việc chuyên ngành; nâng cấp hệ thống một cửa điện tử đảm bảo hoạt động ổn định, liên thông đến cấp huyện và xã, tích hợp được các phần mềm chuyên ngành khác để giải quyết TTHC nhanh chóng, chất lượng.

- Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của pháp luật về CCHC, cũng như những kết quả CCHC của địa phương tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp để giúp họ nâng cao nhận thức, tin tưởng và đưa ra những đánh giá, ghi nhận chính xác về những nỗ lực của chính quyền địa phương trong công tác CCHC; chú trọng tuyên truyền việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và dịch vụ bưu chính công ích.

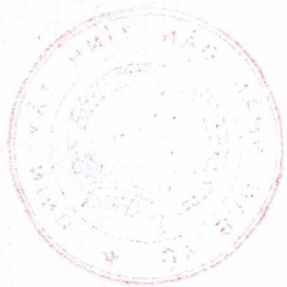
- Tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ phận Một cửa các cấp theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ, bảo đảm thực chất; kéo giảm tối đa tỷ lệ trễ hẹn trong giải quyết TTHC, thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn, tránh gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong Nhân dân.

UBND tỉnh Tây Ninh báo cáo Văn phòng Chính phủ tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Cục Kiểm soát TTHC – VPCP;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; HCC;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc



PHỤ LỤC I

KẾT QUẢ THAM GIA Ý KIẾN VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) QUY ĐỊNH TRONG CÁC DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL)

Đơn vị báo cáo:
Tỉnh Tây Ninh

Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Quyết định của UBND		Chỉ chị của UBND	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Tỉnh Tây Ninh	0	0	0	0	0	0

PHỤ LỤC II
KẾT QUẢ THẨM TRA VỀ TTHC QUY ĐỊNH TRONG CÁC DỰ ÁN/ DỰ THẢO VBQPPL TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị báo cáo:

Tỉnh Tây Ninh

Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC) -

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Dự thảo Quyết định		Nghị quyết của HĐND tỉnh do UBND cùng cấp chủ trì soạn thảo	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Tỉnh Tây Ninh	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

PHỤ LỤC III
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)
TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị báo cáo:
Tỉnh Tây Ninh

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC).

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng		Phân loại theo tên văn bản QPPL				Phân loại nội dung		
				Quyết định của UBND		Nghị quyết của HĐND		Số TTHC được quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC được bãi bỏ, hủy bỏ
		Số TTHC	Số VBQPPL	Số TTHC	Số VBQPPL	Số TTHC	Số VBQPPL			
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng số	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Tỉnh Tây Ninh	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Biểu số 07c/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/ TT-VPCP

PHỤ LỤC IV
SỐ TTHC, VBQPPL ĐƯỢC CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị báo cáo:
Tỉnh Tây Ninh

Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố đã ban hành	Số VBQPPL, TTHC được công bố					Số lượng văn bản đề nghị mở công khai/ không công khai	Số VBQPPL, TTHC đề nghị công khai/không công khai			
			Số VBQPPL	Số TTHC					VBQPPL		TTHC	
				Tổng số	Chia ra				Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (Công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)	Quy định mới; được sửa đổi bổ sung (Công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)
					Số TTHC quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ					
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng số	**12**	**0**	**1240**	**41**	**1204**	**63**	**9**	**0**	**0**	**1240**	**63**
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	0	149	0	149	4	1	0	0	149	4
2	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1	0	145	5	140	9	1	0	0	145	9
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	0	111	11	100	5	1	0	0	111	5
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	1	0	120	8	112	3	1	0	0	120	3
5	Sở Khoa học và Công nghệ	1	0	53	9	44	6	1	0	0	53	6
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	0	139	0	139	12	1	0	0	139	12
7	Sở Công Thương	1	0	144	0	144	9	1	0	0	144	9
8	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	1	0	99	0	99	2	1	0	0	99	2
9	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	1	0	2	0	2	1	1	0	0	2	1

PHỤ LỤC V

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI TÂY NINH QUÝ III NĂM 2019

(Từ ngày 15/6/2019 đến ngày 15/9/2019)

Đơn vị báo cáo:
Tỉnh Tây Ninh

Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC).

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa			
			Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết				Đã giải quyết		
		Tổng số	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc DVBC)	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Tổng số	Đúng thời hạn	Quá hạn	Đang giải quyết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	**TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh**	**125646**	**14893**	**5402**	**105381**	**121416**	**121332**	**84**	**4230**	**4141**	**89**	**96472**	**92173**	**89**	**4210**
I	Sở Công thương	1840	0	27	1814	1781	1795	21	25	25	0	1820	1795	0	25
1	*Lưu thông hàng hóa trong nước*	35	0	3	32	35	35	0	0	0	0	35	35	0	0
2	*Công nghiệp nặng*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	*Công nghiệp tiêu dùng*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	*An toàn thực phẩm*	34	0	4	30	34	34	0	0	0	0	34	34	0	0
5	*Quản lý Cạnh tranh*	6	0	2	4	6	6	0	0	0	0	6	6	0	0
6	*Xúc tiến thương mại*	1760	0	18	1743	1736	1715	21	25	25	0	1740	1715	0	25
7	*Hóa chất*	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0
8	*Điện*	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0

II	Sở Giáo dục và Đào tạo	282	0	0	282	282	282	0	0	0	0	282	282	0	0
1	*Giáo dục và Đào tạo*	282	0	0	282	282	282	0	0	0	0	282	282	0	0
III	Sở Giao thông vận tải	15192	14536	578	78	14467	14467	0	725	725	0	15192	14467	0	725
1	*Giao thông Vận tải*	15192	14536	578	78	14467	14467	0	725	725	0	15192	14467	0	725
IV	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1625	284	202	1139	1593	1588	5	32	31	1	1625	1588	0	32
1	*Kế hoạch, đầu tư*	1625	284	202	1139	1593	1588	5	32	31	1	1625	1588	0	32
V	Sở Khoa học và Công nghệ	11	0	0	11	11	11	0	0	0	0	5	7	0	0
1	*Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ và hạt nhân*	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	1	0	0
2	*Hoạt động khoa học và Công nghệ*	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	0	5	0	0
3	*Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	1	0	0
VI	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	209	0	0	212	209	209	0	0	0	0	209	208	0	0
1	*An toàn vệ sinh lao động*	19	0	0	19	19	19	0	0	0	0	19	19	0	0
2	*Giáo dục nghề nghiệp*	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	1	0	0
3	*Việc làm*	143	0	0	143	143	143	0	0	0	0	143	143	0	0
4	*Bảo trợ xã hội*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	*Phòng chống tệ nạn xã hội*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	*Quản lý lao động ngoài nước*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	*Quan hệ Lao động - tiền lương*	26	0	0	29	26	26	0	0	0	0	26	26	0	0
8	*Người có công*	19	0	0	19	19	19	0	0	0	0	19	19	0	0
VII	Sở Ngoại vụ	37	0	0	37	37	37	0	0	0	0	37	37	0	0
1	*Ngoại vụ*	37	0	0	37	37	37	0	0	0	0	37	37	0	0
VIII	Sở Nội vụ	117	0	10	107	116	116	0	1	1	0	116	116	0	1

1	*Hội, tổ chức phi chính phủ*	8	0	5	3	8	8	0	0	0	0	8	8	0	0
2	*Tôn giáo*	31	0	2	29	30	30	0	1	1	0	30	30	0	1
3	*Thi đua, khen thưởng*	63	0	0	63	63	63	0	0	0	0	63	63	0	0
4	*CCVC*	10	0	3	7	10	10	0	0	0	0	10	10	0	0
5	*Văn thư, lưu trữ*	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0
IX	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	304	1	2	301	300	300	0	1	1	0	301	300	0	1
1	*Chăn nuôi và thú y*	85	0	0	85	85	85	0	0	0	0	85	85	0	0
2	*Trồng trọt và BVTV*	62	0	0	62	62	62	0	0	0	0	62	62	0	0
3	*Nông, lâm, thủy sản*	33	1	2	30	29	29	0	1	1	0	30	29	0	1
4	*Thủy lợi*	38	0	0	38	38	38	0	0	0	0	38	38	0	0
5	*Lâm nghiệp*	86	0	0	86	86	86	0	0	0	0	86	86	0	0
X	Sở Tài chính	70	0	2	68	68	68	0	2	2	0	68	68	0	2
1	*Quản lý Công sản*	21	0	2	19	19	19	0	2	2	0	19	19	0	2
2	*Lĩnh vực giá*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	*Tài chính doanh nghiệp*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	*Ngân sách nhà nước*	49	0	0	49	49	49	0	0	0	0	49	49	0	0
XI	Sở Tài nguyên và Môi trường	57097	0	4120	52977	54209	54205	4	2888	2888	0	57097	54205	34	2888
1	*Đất Đai*	56770	0	3940	52830	53917	53913	4	2853	2853	0	56770	53913	0	2853
2	*Tài nguyên Khoáng sản*	49	0	32	17	42	42	0	7	7	0	49	42	0	7
3	*Tài nguyên nước*	84	0	34	50	67	67	0	17	17	0	84	67	0	17
4	*Môi trường*	194	0	114	80	183	183	0	11	11	0	194	183	0	11
XII	Sở Thông tin và Truyền thông	14	0	0	14	14	14	0	0	0	0	14	14	0	0
1	*Xuất bản*	11	0	0	11	11	11	0	0	0	0	11	11	0	0
2	*Báo chí*	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
3	PTTT và TTĐT	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
4	*Bưu chính*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
XIII	Sở Tư pháp	17825	3	378	17444	17488	17434	54	337	249	88	17488	17434	54	337

1	*Nuôi con nuôi*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	*Lý lịch tư pháp*	2524	3	319	2202	2187	2133	54	337	249	88	2187	2133	54	337
3	*Trợ giúp pháp lý*	62	0	0	62	62	62	0	0	0	0	62	62	0	0
4	*Quốc tịch*	120	0	59	61	120	120	0	0	0	0	120	120	0	0
5	*Công chứng*	15049	0	0	15049	15049	15049	0	0	0	0	15049	15049	0	0
6	*Luật sư*	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
7	*Bán đấu giá tài sản*	25	0	0	25	25	25	0	0	0	0	25	25	0	0
8	*Quản tài viên*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	*Hộ tịch*	44	0	0	44	44	44	0	0	0	0	44	44	0	0
XIV	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	142	6	11	127	135	135	0	7	7	0	135	135	0	7
1	*Văn hóa*	127	6	8	113	120	120	0	7	7	0	120	120	0	7
2	*Thể thao*	7	0	1	6	7	7	0	0	0	0	7	7	0	0
3	*Du Lịch*	6	0	0	6	6	6	0	0	0	0	6	6	0	0
4	Di Sản	2	0	2	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
XV	Sở Xây dựng	384	63	36	285	234	234	0	150	150	0	434	284	0	150
1	*Quản lý xây dựng*	378	63	36	279	228	228	0	150	150	0	428	278	0	150
2	*Nhà ở*	6	0	0	6	6	6	0	0	0	0	6	6	0	0
XVI	Sở Y tế	29467	0	6	29467	29467	29467	0	0	0	0	602	602	0	0
1	*Y tế dự phòng*	28681	0	0	28681	28681	28681	0	0	0	0	0	0	0	0
2	*Dược phẩm*	335	0	0	335	335	335	0	0	0	0	335	335	0	0
3	*Khám bệnh, chữa bệnh*	162	0	0	162	162	162	0	0	0	0	162	162	0	0
4	*Mỹ phẩm*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**0**	0	0	0
5	*An toàn thực phẩm và Dinh*	105	0	6	105	105	105	0	0	0	0	105	105	0	0
6	*Giám định y khoa*	184	0	0	184	184	184	0	0	0	0	0	0	0	0
XVII	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	1048	0	30	1018	1005	988	0	17	42	0	1047	1009	1	42
1	*Đầu Tư*	201	0	9	192	197	197	0	4	4	0	201	201	0	4
2	*Lao Động*	752	0	8	744	731	731	0	21	21	0	752	731	0	21
3	*Xây Dựng*	72	0	11	61	56	56	0	16	16	0	72	56	0	16
4	*Môi Trường*	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0
5	*Đất Đai*	20	0	2	18	18	1	0	1	1	0	19	18	1	1

B	**TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện**	**8502**	**363**	**1495**	**6644**	**7831**	**6866**	**965**	**717**	**671**	**46**	**8502**	**6866**	**46**	**717**
1	*Tài nguyên - môi trường*	3526	0	1219	2307	3065	2288	777	507	461	46	3526	2288	46	507
2	*Nội vụ*	125	0	12	113	106	105	1	19	19	0	125	105	0	19
3	*Công Thương*	106	0	11	95	91	89	2	15	15	0	106	89	0	15
4	*Giáo dục và Đào tạo*	616	0	6	610	611	600	11	5	5	0	616	600	0	5
5	*Kế hoạch và Đầu tư*	2375	362	47	2328	2320	2261	59	55	55	0	2375	2261	0	55
6	*Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*	45	0	5	40	34	30	4	11	11	0	45	30	0	11
7	*Tài chính*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	*Văn hóa, Thông tin và Truyền Thông*	13	0	2	11	13	13	0	0	0	0	13	13	0	0
9	*Tư pháp*	979	1	78	901	925	915	10	54	54	0	979	915	0	54
10	*Văn hóa, Thể thao và Du lịch*	6	0	0	6	6	6	0	0	0	0	6	6	0	0
11	*Y tế*	57	0	0	57	57	54	3	0	0	0	57	54	0	0
12	*Lao động, thương binh và xã hội*	22	0	2	20	18	18	0	4	4	0	22	18	0	4
13	*Xây dựng*	632	0	113	519	585	487	98	47	47	0	632	487	0	47
14	*Thanh tra*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	*Dân tộc*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	*Bảo trợ xã hội*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	*Nông thôn mới*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

C	**TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã**	**39659**	**17**	**533**	**39109**	**37698**	**37493**	**205**	**1961**	**1915**	**0**	**39659**	**37698**	**0**	**1961**
1	*Tài nguyên - môi trường*	594	0	81	513	511	475	36	83	83	0	594	475	0	83
2	*Nội vụ*	63	0	1	62	61	59	2	2	2	0	63	59	0	2
3	*Công Thương*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	*Giáo dục và Đào tạo*	3	0	2	1	2	1	1	1	0	0	3	1	0	1
5	*Kế hoạch và Đầu tư*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	*Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	*Tư pháp*	38244	0	287	37957	36633	36494	139	1611	1585	0	38244	36494	0	1611
8	*Văn hóa*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	*Y tế*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	*Lao động, thương binh và xã hội*	738	17	162	576	491	464	27	247	245	0	738	464	0	247
11	*Thanh tra*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	*Bảo trợ xã hội*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	*Chính sách (BQP)*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	*Dân quân tự vệ*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	*Văn phòng thống kê*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	**173825**	**15273**	**7430**	**151122**	**166945**	**165995**	**950**	**6880**	**6745**	**135**	**144633**	**137618**	**135**	**6880**

PHỤ LỤC VI
NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỌNG TRONG GIẢI QUYẾT TTHC

Đơn vị báo cáo:
Tỉnh Tây Ninh

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Lý lịch tư pháp	88	dx73;	Hồ sơ cấp phiếu LLTP đang xử lý nhưng quá hạn là do các hồ sơ trên có án tích, Sở Tư pháp cần xác minh trước khi cấp phiếu.
2	Kế hoạch và Đầu tư cấp huyện	1	dx5;	Do các thao tác trên phần mềm một cửa điện tử của tỉnh còn chậm
3	Tài nguyên và môi trường cấp cấp huyện	46	dx5;	Do các thao tác trên phần mềm một cửa điện tử của tỉnh còn chậm
	Tổng số	**135**		

Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP.

PHỤ LỤC VII
KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị báo cáo:
Tỉnh Tây Ninh

Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

STT	Tên TTHC hoặc tên nhóm TTHC trong Kế hoạch rà soát	Phương án rà soát thuộc thẩm quyền					Phương án rà soát đề xuất, kiến nghị					Tỉ lệ chi phí tiết kiệm được số TTHC
		Số VBQPPL	Số TTHC				Số lượng VBQPPL được rà soát	Số TTHC				
			Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra			
				Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm			Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm	
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng số	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**
I	**Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của UBND cấp tỉnh**											
	Tổng số	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**
1	Thủ tục lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	33%
2	Thủ tục quyết định điều chuyển tài sản công (thuộc thẩm quyền chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) và thủ tục quyết định điều chuyển tài sản công (thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Tài chính)	0	0	0	0	0	2	1	1	0	0	33,33%
3	Thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công (thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính)	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	30%

Phụ lục VIII

KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH

Đơn vị báo cáo:
Tỉnh Tây Ninh

Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC).

Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị

I. KẾT QUẢ TIẾP NHẬN PAKN

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)			Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính								Đăng tải công khai kết quả xử lý
	Tổng số	Chia ra		Đã xử lý					Đang xử lý			
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tổng số	Chia theo nội dung PAKN		Chia theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Chia ra		
					Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tiếp nhận mới trong kỳ	Kỳ trước chuyển qua		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tài nguyên và Môi trường	4	1	3	4	1	3	4	0	4	1	3	4